TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** Số: 14/2019/QĐST-DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phỏn - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Khả.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung, ông Viêm Văn Doãn.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào hồ sơ thụ lý số 72/DSST ngày 05/4/2019.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ree Tower, số 9, đường Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Giang – Chủ tịch HĐTV.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh – Chức vụ: Trưởng nhóm tố tụng – Phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị Lan, sinh năm 1995.

Bà Lê Thị Thu Hiền, sinh năm 1982 - Nhân viên văn phũng luật sư Vĩnh Phú- Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu 4, phường ĐC, thành phố X, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Vũ Thị T có nghĩa vụ trả Cụng ty tài chónh TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151124 -130003-0005 ngày 24/11/2015 với số tiền nợ gốc là 44.161.260đ theo phương án thanh toán như sau:

Ngày 25/8/2019 trả 1.000.000đ.

Bắt đầu từ tháng 9/2019 trở về sau, vào ngày 05 hàng tháng, bà Tâm mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc. Trong trường hợp bà Tâm vi phạm nghĩa vụ thanh toán như trên thì bà Tâm phải trả số tiền lãi là 27.205.873đ. Tổng cộng 71.367.133đ (bẩy mốt triệu ba trăm sáu bảy nghìn một trăm ba ba đồng chẵn)

Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu phải chịu 2.208.000đ án phí DSST.

Hoàn trả Cụng ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng 1.784.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001713 ngày 01/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS, THA tp Bắc Ninh
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Khả

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1] Số:...../...../QĐST-..... [2]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *...., ngày..... tháng ..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....[3] ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)